

Bản án số: **01/2023/HS - ST**

Ngày: 05 - 1 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HM TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và ông Hoàng Đức Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HM – tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HM tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28, 29 tháng 12 năm 2022 và ngày 05 tháng 1 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HM tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2022/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Hoàng Vĩnh T**, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1988 tại thị xã HM, tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: không; nơi cư trú: Khối Bắc Mỹ, phường QT, thị xã HM, tỉnh Nghệ An; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: tự do; con ông Lê Công D, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1960; anh chị em ruột: Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; con có 3 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 11/12/2021 tại nhà tạm giữ Công an thị xã HM đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T: Ông Nguyễn Hữu L – Luật sư thuộc văn phòng luật sư tuổi trẻ - Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. (vắng mặt, tại phiên tòa bị cáo từ chối người bào chữa).

Địa chỉ: số A đường T, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. Có mặt

Địa chỉ: Khối Q, phường QP, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Chị Đậu Thị H, sinh năm 1982. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khối M, phường QT, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đậu Thị H: Bà Hoàng Thị N – Luật sư thuộc công ty Luật TNHH Một thành viên THM, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm B, xã QL, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

3. Anh Nguyễn Minh V, sinh năm 1993. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Địa chỉ: Xóm B, xã QL, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

4. Anh Trần Văn B, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã QV, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

5. Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1964. Có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án.

Địa chỉ: Khối Q, phường QP, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

6. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1960. Có mặt

Địa chỉ: Khối M, phường QT, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

7. Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Khối M, phường QT, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

8. Anh Nguyễn Viết T sinh năm 1981. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối M, phường QT, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trần Thủy H, sinh năm 1985. Vắng mặt

2. Chị Văn Thị V A, sinh năm 1994. Vắng mặt

3. Anh Mai Xuân T, sinh năm 1970. Vắng mặt

4. Anh Đậu Văn G, sinh năm 1980. Vắng mặt

5. Anh Lê Hoàng Vĩnh TH, sinh năm 1986. Vắng mặt

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức:

Vào năm 2020 và năm 2021, Lê Hoàng Vĩnh T đã 02 lần sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức như sau:

Lần thứ nhất: Vào tháng 12/2019, Lê Hoàng Vĩnh T đấu giá được thửa đất số X, diện tích 187,30m², tờ bản đồ số 5, thuộc thôn Y xã QL và được UBND thị xã HM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác trên đất (viết tắt GCNQSDĐ) mang tên Lê Hoàng Vĩnh T có số hiệu Z. Đến khoảng tháng 3/2020, T nảy sinh ý định làm giả GCNQSDĐ để sau này cần thì vay tiền. Sau khi tìm hiểu và liên lạc với một người đàn ông ở Thành Phố Hồ Chí Minh để làm giả GCNQSDĐ với giá 11 triệu đồng thì T chụp ảnh GCNQSDĐ Z gửi cho người này và chuyển một phần tiền, sau đó T nhận được GCNQSDĐ Z giả qua đường bưu phẩm và thanh toán số tiền còn lại. Vào tháng 3/2020 Lê Hoàng Vĩnh T bán mảnh đất này cho ông Hoàng Văn G, trú tại xã QL, thị xã HM với số tiền 420 triệu đồng và bàn giao toàn bộ GCNQSDĐ Z cho ông G. Do cần tiền trả nợ và làm ăn nên T đưa GCNQSDĐ Z giả đi đến cửa hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Việt T, chị Đậu Thị H trú tại phường QT, thị xã HM để vay tiền với tổng số tiền 650 triệu đồng thì được chị H đồng ý. Đến tháng 12/2021, chị Đậu Thị H nghi ngờ GCNQSDĐ Z mà T đưa đến thế chấp vay tiền cho mình là giả thì đã nhờ chị Văn Thị V A là cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai thị xã HM kiểm tra thì phát hiện thấy GCNQSDĐ Z mà T đã lấy để thế chấp cho chị H là giả nên đã trình báo cơ quan CSĐT.

Ngày 12/12/2021, Cơ quan CSĐT công an thị xã HM ra Quyết định trưng cầu giám định gửi phòng kỹ thuật hình sự Công An tỉnh Nghệ An để xác định GCNQSDĐ Z mà Lê Hoàng Vĩnh T đã thế chấp vay tiền chị Nguyễn Thị H là thật hay giả. Tại kết luận giám định số 483/ KL-PC09- (Đ3) ngày 17/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (ký hiệu A) mang đi giám định là giả.

Lần thứ 2: Lê Hoàng Vĩnh T và vợ Nguyễn Thanh T được UBND thị xã HM cấp GCNQSDĐ CN 002803 đối với thửa đất số a, diện tích 265,0 m² tờ bản đồ số 130-74 ở khối M phường QT, thị xã HM, đứng tên chủ sử dụng đất là Lê Hoàng Vĩnh T và Nguyễn Thanh T, sau đó T liên hệ với một người đàn ông ở Thành phố Hồ Chí M để làm giả GCNQSDĐ, sau khi liên hệ và làm được với giá 11 triệu đồng thì T cất GCNQSDĐ giả ở trong nhà.

Đến tháng 12 năm 2020, T nhờ anh trai là Lê Hoàng Vĩnh TH làm hồ sơ cấp đổi tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã HM. Trong quá trình cấp đổi, vào tháng 7/2021 T rút hồ sơ về để làm thủ tục vay vốn ngân hàng. Vào tháng 9/2021 Lê Hoàng Vĩnh T liên lạc với cán bộ Ngân hàng cổ phần Đ, chi nhánh NA để vay tiền. Trong quá trình làm thủ tục vay tiền T đã giao GCNQSDĐ CN giả cho cán bộ Ngân hàng để làm thủ tục vay vốn ngân hàng. Đến ngày 15/9/2021, khi cán bộ Ngân hàng đưa hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã HM để làm thủ tục thế chấp thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất phát hiện thấy GCNQSDĐ là giả nên đã làm công văn trình báo Công an thị xã HM

Ngày 23/9/2021, Cơ quan CSĐT đã Quyết định trưng cầu giám định tài liệu là GCNQSDĐ là thật hay giả. Tài bản kết luận giám định số 375/KI-PC09 (Đ30) ngày 30/9/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng GCNQSDĐ là giả.

2. Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vào năm 2021 Lê Hoàng Vĩnh T đã thực hiện 02 hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 01/2021, bà Nguyễn Thị H mua lại một mảnh đất nông nghiệp với diện tích 180m² của ông Trần Văn H tại phường QP, thị xã HM. Đất này do ông H mua từ chị Lê Thị V, trú tại khối Hồng Phong, phường QP, thị xã HM. Việc mua bán chỉ thể hiện trên giấy viết tay. Vì muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, được sự giới thiệu của người quen nên bà H đã gọi điện thoại cho Lê Hoàng Vĩnh T hỏi T có làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất này sang đất thổ cư được không để thuê T làm thủ tục cấp đổi thửa đất của bà Lê Thị V. Sau đó, T đến gặp bà H tìm hiểu nguồn gốc đất và được bà H dẫn đi xem đất và xem các giấy tờ đất. Sau khi xem xong thì thấy đất nông nghiệp và không có khả năng làm được theo yêu cầu của bà H, nhưng đang cần tiền nên Lê Hoàng Vĩnh T nói với bà H là T làm chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở thửa đất này được cho bà H với chi phí số tiền 150.000.000 đồng. Bà H đồng ý, sau đó vào ngày 24/01/2021, bà H đưa cho T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị V và số tiền 100.000.000 đồng; lần 2, vào ngày 29/01/2021, bà H đưa cho T số tiền 40.000.000 đồng. Tổng số tiền T nhận là 140.000.000 đồng. Sau đó T đưa Giấy CNQSDĐ về nhà cất và không làm thủ tục gì cho bà H, số tiền trên đã sử dụng cá nhân hết.

- Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 04/2021, bà H mua một thửa đất nông nghiệp của chị Nguyễn Thị T, trú tại Phường QP, thị xã HM với diện tích hơn 1000m² với số tiền 400.000.000 đồng. Thửa đất chưa có Giấy CNQSDĐ, nên bà H tiếp tục gọi điện thoại nhờ T làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, T đến gặp bà H tìm hiểu nguồn gốc đất và bà H dẫn đi xem đất thì biết rằng mảnh đất này không cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vì đang cần tiền sử dụng cho việc cá nhân nên T nói dối với bà H là T làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này được cho bà H, chi phí số tiền 100.000.000 đồng. Bà H tin tưởng đồng ý và đưa số tiền 100.000.000 đồng cùng chứng M nhân dân và sổ hộ khẩu cho T để làm thủ tục. Sau đó T sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân và không hề làm bất cứ thủ tục nào cho bà H.

Đến khoảng tháng 8/2021, Lê Hoàng Vĩnh T nói bà H cùng chung mua một mảnh đất của chị Nguyễn Thị D ở xã QL, thị xã HM sau đó cả hai đi xem thửa đất, sau khi xem xong thửa đất thì bà H đồng ý chung mua, thỏa thuận đặt cọc trước số tiền 800.000.000 đồng mỗi người góp số tiền 400.000.000 đồng. Bà H đưa tiền cho T đi đặt cọc đất. Đến Khoảng 01 tháng sau không thấy T gọi để đi chồng nốt số tiền còn lại, bà H gọi điện hỏi, nhưng T nói đất đang dính quy hoạch cây xanh nên chưa thỏa thuận được với chủ đất. Do nghi ngờ bị T lừa, nên bà H đã đến nhà chủ thửa đất này là bà Nguyễn Thị D để hỏi thì được biết T có hỏi mua đất nhưng không mang tiền đi cọc để mua đất của nhà bà D. Vì vậy, bà H nghĩ T lừa bà H nên đã liên hệ với T nhiều lần yêu cầu T trả lại toàn bộ số tiền từ trước đến nay mà bà H đã đưa cho T là 1.225.000.000 đồng, trong đó có 240.000.000đ tiền bà H đưa cho T để cấp đổi đất thửa đất nông nghiệp mang tên Lê Thị V, làm giấy CNQSDĐ thửa đất mua của bà Nguyễn Thị T. Sau khi đòi

nhiều lần thì tháng 10/2021 đến tháng 11/2021 Lê Hoàng Vĩnh T đã chuyển khoản trả cho bà H 07 lần với tổng số tiền 290 triệu đồng. Ngày 19/3/2022 gia đình Lê Hoàng Vĩnh T trả cho bà H số tiền 200 triệu đồng. Tổng số tiền đã trả là 490.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, tại cơ quan CSĐT Công an thị xã HM và tại phiên tòa, T khai nhận hành vi phạm tội của mình lừa đảo bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 240.000.000đ. Đối với những số tiền khác bà H cho rằng T lừa đảo thì T cho rằng đó là các khoản vay nợ giữa T và bà H. Đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả do nhầm lẫn nên sau khi làm được giấy giả thì T đã để chung 02 tờ giấy GCNQSDĐ thật và giả lẫn lộn nên đã tiêu hủy nhầm giấy CNQSDĐ thật.

Về vật chứng vụ án và tài sản liên quan:

- 01 Giấy CNQSDĐ Z giả mang tên Lê Hoàng Vĩnh T và Nguyễn Thanh T.

- 01 Giấy CNQSDĐ CU154034 thật (A) và 01 Giấy CNQSDĐ CU154034 giả (M) mang tên Lê Hoàng Vĩnh T.

- 01 Giấy CNQSDĐ thật số N 703735 mang tên Lê Thị V.

- 01 USB bên trong lưu giữ các cuộc điện thoại của bà Nguyễn Thị H và chồng là Hoàng Văn M với Lê Hoàng Vĩnh T được niêm phong theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, Lê Hoàng Vĩnh T và gia đình đã chuyển trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 490.000.000đ. Tại phiên tòa, bị hại bà Nguyễn Thị H yêu cầu Lê Hoàng Vĩnh T trả số tiền còn lại là 735.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 500.000.000đ. Bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 500.000.000đ.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đậu Thị H yêu cầu bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T và bà Hoàng Thị M liên đới trả số tiền gốc vay là 650.000.000đ và không yêu cầu lãi suất. Bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T thống nhất trả nợ số tiền 650.000.000đ cho chị Đậu Thị H. Bà Hoàng Thị M không đồng ý liên đới trả nợ với bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T vì bà M không vay nợ chị Đậu Thị H.

Cáo trạng số 58/CT-VKSHM ngày 25/7/2022 của VKS nhân dân thị xã HM đã truy tố bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS nhân dân thị xã HM, tỉnh Nghệ An vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS xử phạt bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T mức án từ 7 năm tù đến 7 năm 6 tháng tù.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 341; khoản 2 Điều 51 của BLHS xử phạt Lê Hoàng Vĩnh T từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội từ 9 năm đến 10 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bị hại bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo và gia đình đã hoàn trả tổng số tiền là 490 triệu đồng trong đó số tiền 240 triệu đồng là trả cho hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, còn 250 triệu đồng là số tiền đã hoàn trả các khoản tiền khác lấy từ bà H, hiện tại bà H yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại là 735 triệu đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 500.000.000đ. Xét các hành vi nhận tiền khác giữa bà H và bị cáo là giao dịch dân sự, do vậy cần tách ra để xét xử thành vụ án dân sự khác.

- Đối với việc sử dụng tài liệu giả vay của chị H 650 triệu đồng, bị cáo đã chuyển khoản nhiều lần cho chị H, về số tiền chuyển khoản, đều không chứng M được ý thức chiếm đoạt của bị cáo và không có chứng cứ khác do vậy không đủ căn cứ để xác định T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 650.000.000 đồng của chị Đậu Thị H. Đây là quan hệ dân sự do đó yêu cầu của chị H về việc trả nợ đề nghị HĐXX tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu.

Về án phí: Buộc bị cáo T chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố. Đối với số tiền bị hại khai bị cáo lừa đảo 1.225.000.000đ bị cáo chỉ thừa nhận lừa đảo số tiền của bị hại là 240.000.000đ số tiền còn lại là bị cáo vay. Bị cáo không có tranh luận với đại diện VKS về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt.

Bị hại bà Nguyễn Thị H tranh luận: Theo bà Nguyễn Thị H bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T đã có hành vi lừa đảo tổng số tiền của bà là 1.225.000.000đ mà không pH số tiền 240.000.000đ như Viện kiểm sát quy kết. Đối với số tiền còn lại là 985.000.000đ trong các giấy viết tay bà H ghi là nội D “T vay gì H” tuy nhiên thực chất là số tiền Lê Hoàng Vĩnh T đã nhận của bà H để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của ông Lê Tiến N, thửa đất nhà anh chị NC, chung tiền đặt cọc mua đất của bà Nguyễn Thị D, nhận tiền giải quyết tranh chấp đất đai với ông Mạch Duy Hoàng. Bà H và bị cáo không có quan hệ thân quen nên không thể cho Lê Hoàng Vĩnh T vay tiền, lý do bà H ghi nội D “T vay gì H” là do bà H nghĩ nếu ghi T nhận tiền của gì H sau này có chuyện gì T cãi là T gửi tiền ở bà H và T lấy lại. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H xin được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị V do bà H nộp tại cơ quan điều tra. Lê Hoàng Vĩnh T đã thừa nhận việc lừa đảo trong các nội D ghi âm cuộc điện của T và bà H.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với tranh luận của bị hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa chỉ chứng M được bị cáo có hành vi lừa đảo của bà H với tổng số tiền 240.000.000đ, đối với những số tiền còn lại căn cứ vào các tài liệu do bị hại cung cấp là những giấy viết tay có nội D bị cáo vay tiền của bị hại và lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa chưa đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T có hành vi lừa đảo đối với số tiền còn lại. Đối với nội D ghi âm do bà H cung cấp các cuộc điện thoại tại cơ quan điều tra không thể hiện rõ số tiền bị cáo lừa đảo mà chỉ thể hiện bị cáo hứa trả tiền cho bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đậu Thị H không có tranh luận gì về tội danh đối với bị cáo. Chỉ yêu cầu Lê Hoàng Vĩnh T và bà Hoàng Thị M liên đới trả nợ số tiền gốc vay là 650.000.000đ và không yêu cầu tiền lãi suất.

Đại diện viện kiểm sát tranh luận với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: Do không có đủ căn cứ để xác định bị cáo T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị H số tiền 650.000.000đ. Do đó, đây là quan hệ dân sự được tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu mà không giải quyết trong vụ án hình sự này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Hoàng Mai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T đã khai nhận: Do cần tiền để trả nợ nên khoảng tháng 3/2020 và tháng 9/2021 Lê Hoàng Vĩnh T thuê làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU154034 mang tên Lê Hoàng Vĩnh T và Giấy CNQSDĐ số CN 002803 mang tên Lê Hoàng Vĩnh T và vợ là Nguyễn Thanh T, mục đích để mang đi vay tiền khi cần. Sau đó Lê Hoàng Vĩnh T đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 154034 để đảm bảo cho việc trả nợ khoản vay của chị Đậu Thị H số tiền 650.000.000 đồng, sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 002803 thế chấp Ngân hàng cổ phần Đông Nam Á để vay tiền. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng vụ án, phù hợp với kết luận giám định số 483/ KL-PC09- (Đ3) ngày 17/12/2021 và kết luận giám định số 375/Kl-PC09 (Đ30) ngày 30/9/2021 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung cáo trạng. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã

đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của BLHS như cáo trạng truy tố là đúng người đúng tội.

[3]. Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T khai nhận. Vào khoảng tháng 1 năm 2020 và tháng 4 năm 2020 bà Nguyễn Thị H có nhờ Lê Hoàng Vĩnh T làm các thủ tục để chuyển đổi quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của bà Lê Thị V và bà Nguyễn Thị T. Lê Hoàng Vĩnh T sau khi được bà Nguyễn Thị H dẫn đi xem đất và nhận các tài liệu giấy tờ, biết rõ là không chuyển đổi được quyền sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm thành đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị cáo vẫn nhận lời làm được và yêu cầu bà H đưa tổng số tiền 250.000.000đ và bà H đã đưa cho bị cáo số tiền 240.000.000đ. Bị cáo T không làm bất cứ thủ tục gì và sử dụng tiền vào mục đích cá nhân. Bị cáo T đã có hành vi đưa ra các thông tin gian dối để bị hại tin tưởng là bị cáo làm được các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chiếm đoạt số tiền 240.000.000đ của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của BLHS như cáo trạng truy tố là đúng người, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan hành chính trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về tài liệu. Bị cáo chỉ vì cần tiền sử dụng cho mục đích cá nhân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại. Xét hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất lòng tin giữa con người với nhau, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần thiết pH áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ nghiêm và răn đe phòng ngừa chung tội phạm.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo đã bồi thường được cho bị hại số tiền 240.000.000đ do đó được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bố bị cáo là ông Lê Công D được tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3, bị cáo trong cuộc sống tích cực ủng hộ phòng chống Covid trên địa bàn thị xã HM nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 của BLHS ngoài hình phạt chính bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Hội đồng xét xử xét căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ và lời khai tại phiên tòa bị cáo hiện không có thu nhập, kinh tế khó khăn. Xét không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Về tổng hợp hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo T bị xét xử 01 lần về nhiều tội. Do đó, hình phạt đối với bị cáo được tổng hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS.

[8]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H còn khai bị cáo T đã nhận tiền để làm thủ tục đất đai cho thửa đất mang tên ông Nguyễn Tiến N, thửa đất của vợ chồng anh C, chị N; giải quyết tranh chấp đất đai với ông Mạch Huy H với tổng số tiền là 585.000.000đ triệu đồng, nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa Lê Hoàng Vĩnh T khai rằng đây là khoản tiền vay cá nhân riêng, T không biết vợ chồng anh Cường chị Nhung và ông Lê Tiến N. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định đây là các khoản tiền để làm thủ tục liên quan đất đai của đối tượng, không có chứng cứ khác do vậy không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với những hành vi này.

[9]. Đối với hành vi chung tiền mua đất của bà D ở xã QL, thị xã HM với số tiền 400.000.000đ quá trình điều tra xác định T đã đặt vấn đề với người liên quan để mua mảnh đất này, nhưng không làm rõ được thời gian Lê Hoàng Vĩnh T biết mảnh đất này đang bị quy hoạch, sau đó đã có sự thông báo cho bà H về đất đang bị quy hoạch và giữa T và bà H có sự thống nhất chuyển thành tiền cho T vay hay không. Do vậy, không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với T về hành vi này.

[10]. Đối với hành vi Sử dụng GCNQSDĐ CU154034 giả để thế chấp vay của chị H tổng số tiền là 650.000.000 đồng, quá trình điều tra không thể xác định chính xác thời gian T cầm cố GCNQSDĐ CU154034 giả để vay tiền chị H, qua việc xác M các giao dịch ngân hàng của T trong từ tháng 1/2020 đến tháng 11/2021 T đã chuyển khoản trả cho chị H 39 lần với tổng số tiền là 345 triệu đồng, trong khoảng thời gian từ tháng 09/3/2021 đến tháng 06/12/2021 Lê Hoàng Vĩnh T đã trả được cho chị Đậu Thị H số tiền lãi là 184.000.000đ. Quá trình điều tra không chứng M được T có ý thức chiếm đoạt tài sản của chị H và không có chứng cứ khác do vậy không đủ căn cứ để xác định T chiếm đoạt số tiền 650.000.000 đồng của chị Đậu Thị H.

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T và gia đình đã chuyển trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 490.000.000đ trong gồm số tiền 240.000.000đ bị cáo lừa đảo của bà H và 250.000.000đ là các khoản vay khác của bà H. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T trả lại số tiền còn lại là 735.000.000đ và bồi thường thiệt hại số tiền 500.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ dân sự không liên quan đến vụ án hình sự. Do đó, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án hình sự mà dành cho bà H quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác.

[12]. Đối với yêu cầu bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T và bà Hoàng Thị M liên đới trả nợ số tiền 650.000.000đ của chị Đậu Thị H. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T đồng ý trả cho chị Đậu Thị H số tiền vay là 650.000.000đ và chị H không yêu cầu lãi suất, bà Hoàng Thị M không đồng ý liên đới trả nợ cùng với Lê Hoàng Vĩnh T. Tuy nhiên, xét thấy đây là quan hệ dân sự không liên quan đến vụ án hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án hình sự này mà dành cho chị H quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[13]. Về các tài liệu không liên quan đến tội phạm: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H xin được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N703735 mang tên Lê Thị V. Xét thấy, đây là tài liệu của bà H do đó cần được trả lại cho bà Nguyễn Thị H. Trả lại giấy vay tiền ngày 20/12/2020 (âm lịch) cho chị Đậu Thị H khi có yêu cầu. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H các giấy tờ viết tay không liên quan đến tội phạm khi có yêu cầu. Trả lại cho chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã HM tài liệu Giám định khi có yêu cầu.

[14]. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[15]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T 07 (bảy) năm 3 (ba) tháng tù.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T 02 (hai) năm tù.

3. Về tổng hợp hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS. Buộc bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T phải chấp hành chung hình phạt cho cả hai tội là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11 tháng 12 năm 2021.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị H và chị Đậu Thị H có quyền khởi kiện bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T bằng vụ án dân sự đối với số tiền không chứng M được bị cáo lừa đảo.

5. Về giấy tờ không liên quan đến tội phạm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N703735 mang tên Lê Thị V và các giấy tờ viết tay không liên quan đến tội phạm khi có yêu cầu. Trả lại cho chị Đậu Thị H giấy vay tiền đề ngày 21/12/2020 (âm lịch) giữa chị Đậu Thị H với bà Hoàng Thị M do chị H giao nộp khi có yêu cầu. Trả lại cho Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã HM tỉnh Nghệ An 01 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CU154034 (thật, đã được đục lỗ)

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo pH chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Hoàng Vĩnh T, bị hại bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh T, bà Hoàng Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đậu Thị H, anh Nguyễn Viết T, bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Minh V, ông Hoàng Văn M, anh Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNV liên quan;
- VKSND thị xã HM;
- Chi cục THADS thị xã HM;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã HM;
- Trại tạm giam Công an Nghệ An;
- UBND phường QT;
- Nhà tạm giữ công an thị xã HM;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hồng Lĩnh